

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: **19**-4-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Vân;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày **19** tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 804/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **09**/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày **08** tháng **3** năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thành T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày **02/12/2020** và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị Thu N trình bày:*

Chị và anh Võ Thành T chung sống với nhau năm 2000, nhưng đến ngày 25/10/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh T bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên **Lê Tuấn K**, sinh năm 2001 và **Lê Thị Yến N**, sinh năm 2002. Con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

*Bị đơn – anh Võ Thành T*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến, không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thu N. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định*:

\* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại Tổ 12, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Anh Võ Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

\* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Thành T chung sống với nhau vào năm 2000 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày **25/10/2016**. Nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N trình bày: Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống đến tháng 9/2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài. Anh T bỏ nhà đi từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian ly thân giữa chị N và anh T đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Thành T có hai con chung tên **Lê Tuấn K**, sinh năm 2001 và **Lê Thị Yến N**, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Thu N phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu N và anh Võ Thành T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Võ Thành T có hai con chung tên **Lê Tuấn K**, sinh năm 2001 và **Lê Thị Yến N**, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số **0007837** ngày **04/12/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp xong.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**